

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

CHÍNH THỨC

24-10-2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2008

TỪ NGÀY 01/01/2008 ĐẾN NGÀY 30/09/2008

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*(Dạng đầy đủ)***Quý III năm 2008**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.484.840.417.905	3.191.888.364.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	560.737.619.499	113.526.928.226
1. Tiền	111		150.737.619.499	113.226.928.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		410.000.000.000	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		611.735.000.592	654.484.420.832
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	691.356.702.070	654.660.035.832
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(79.621.701.478)	(175.615.000)
III. Các khoản phải thu	130		604.735.207.940	689.340.141.934
1. Phải thu khách hàng	131		434.813.617.199	511.772.196.650
2. Trả trước cho người bán	132		72.110.025.914	79.804.878.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	97.816.322.239	98.514.364.154
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(4.757.412)	(751.297.055)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	1.627.635.560.294	1.659.390.089.561
1. Hàng tồn kho	141		1.633.738.218.676	1.671.018.978.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.102.658.382)	(11.628.888.954)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		79.997.029.580	75.146.784.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		68.154.318.392	13.943.450.630
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.221.607.340	33.400.640.529
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.6	372.082.718	23.808.062.971
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.249.021.130	3.994.630.306

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.360.245.075.234	2.169.156.127.299
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		297.800.000	762.225.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218		297.800.000	762.225.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.699.489.462.351	1.518.899.141.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.315.966.718.934	899.877.321.744
- Nguyên giá	222		2.338.403.422.415	1.831.384.331.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.022.436.703.481)	(931.507.009.821)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	35.052.483.393	20.714.476.300
- Nguyên giá	228		60.174.501.817	38.770.913.342
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(25.122.018.424)	(18.056.437.042)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	348.470.260.024	598.307.343.777
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		441.122.972.202	445.553.509.195
1. Đầu tư vào công ty con	251		135.694.129.576	99.894.129.576
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		130.602.456.801	115.539.934.826
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	300.688.933.800	273.738.140.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(125.862.547.975)	(43.618.696.007)
V. Tài sản dài hạn khác	260		219.334.840.681	203.941.251.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		191.779.181.163	195.613.205.387
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.533.414.278	8.016.847.896
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.022.245.240	311.198.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		5.845.085.493.139	5.361.044.492.288

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		949.265.170.983	1.045.106.344.467
I. Nợ ngắn hạn	310		859.883.002.432	905.233.989.290
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	184.473.436.000	9.963.436.000
2. Phải trả người bán	312		383.908.867.156	617.301.386.982
3. Người mua trả tiền trước	313		36.303.881.949	5.707.671.355
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		36.335.782.550	35.227.560.793
5. Phải trả người lao động	315		15.549.792.254	52.412.546
6. Chi phí phải trả	316	V.13	168.804.820.197	131.472.933.839
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	34.506.422.326	105.508.587.775
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		89.382.168.551	139.872.355.177
1. Phải trả dài hạn người bán	331		34.880.316.551	81.001.538.177
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	24.908.590.000	32.381.167.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29.593.262.000	26.489.650.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 10+420)	400	V.16	4.895.820.322.156	4.315.938.147.821
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.790.705.196.723	4.224.315.730.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.752.756.700.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.064.948.051.177	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.810.646.579	744.541.696.836
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		175.275.670.000	136.312.134.839
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		947.914.128.967	525.757.147.704
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		105.115.125.433	91.622.417.265
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		105.115.125.433	91.622.417.265
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		5.845.085.493.139	5.361.044.492.288

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		236.130.220	4.581.129.707
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		991.448	315.236
EUR		4.706	33.256
AUD		0,5	0,5
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 24 tháng 10 năm 2008



Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Quý III năm 2008**

Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008

MÃ SỐ B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	2.178.402.559.807	1.841.047.951.798	6.111.103.070.015	4.962.675.883.396
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	55.588.368.801	33.470.180.227	131.963.591.646	89.036.391.808
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VI.1	2.122.814.191.006	1.807.577.771.571	5.979.139.478.369	4.873.639.491.588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.433.641.118.347	1.345.075.380.133	4.044.580.814.635	3.586.066.873.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		689.173.072.659	462.502.391.438	1.934.558.663.734	1.287.572.617.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.012.878.488	24.953.287.438	216.590.382.265	221.593.968.512
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.993.863.911	21.811.210.970	219.544.849.387	53.492.300.783
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		3.420.593.038	3.151.174.651	22.331.484.361	6.242.099.943
8. Chi phí bán hàng	24		291.822.521.333	239.964.045.193	722.779.485.600	633.375.853.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		55.365.373.744	52.944.308.567	171.505.760.279	155.709.862.760

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30	172.736.114.146	1.037.318.950.734	666.588.569.628
11. Thu nhập khác	31	32.169.388.161	95.313.991.318	135.048.587.618
12. Chi phí khác	32	622.911.051	2.201.762.082	46.436.597.557
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	31.546.477.110	93.112.229.236	88.611.990.061
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	370.550.669.270	1.130.431.179.970	755.200.559.689
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43.443.714.047	125.975.241.586	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(8.743.930.576)	(18.516.566.382)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	335.850.885.799	1.022.972.504.766	755.200.559.689
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.916	5.836	4.425
			1.076	
			VI.5	

Người lập biểu



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 24 tháng 10 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý III năm 2008***Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/09/2008***MÃ SỐ B 03-DN***Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		1.130.431.179.970	755.200.559.689
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		116.279.990.662	88.777.316.720
- Các khoản dự phòng	3		155.417.168.231	51.459.668.512
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(4.580.430.800)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(64.690.578.232)	(85.965.732.346)
- Chi phí lãi vay	6		22.331.484.361	6.242.099.943
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		1.355.188.814.192	815.713.912.518
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		131.471.171.609	(116.577.517.287)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		35.159.542.426	(172.348.426.459)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(270.192.593.989)	67.528.228.565
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(50.376.843.538)	2.949.574.576
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21.923.650.432)	(4.403.730.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(101.861.076.253)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		53.496.117.335	75.187.145.300
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(99.432.230.274)	(117.137.863.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.031.529.251.075	550.911.324.197
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(245.234.285.314)	(615.565.169.539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		487.807.665	1.349.099.495
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.100.000.000)	(1.716.397.976.700)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	1.130.225.596.700
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(138.805.162.475)	(50.150.044.326)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.556.439.113	65.925.510.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(401.095.201.011)	(1.184.612.983.476)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.183.477.075.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.901.500.000	300.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.472.577.000)	(12.892.504.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(347.709.580.000)	(537.289.958.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183.280.657.000)	933.294.613.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	447.153.393.065	299.592.953.721
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	113.526.928.226	156.894.729.076
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61	57.298.208	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	560.737.619.499	456.487.682.797

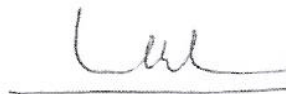
Lập ngày 24 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hoặc “VINAMILK”) được thành lập ban đầu theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29/4/1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà Nước. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN ngày 01/10/2003 của Bộ Công nghiệp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003 Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM. Ngày 19/01/2006, cổ phiếu của công ty đã được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM theo Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2005.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 30/09/2008,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng Quận Cầu Giấy

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng.

CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Diélac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.

Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.

Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.

Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12 TP HCM.

Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò.

Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn.

Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8 Q1 TP HCM.

Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II – Tỉnh Bình Dương

Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

+ Công ty có các Công ty con và liên doanh như sau:

Công ty con – liên doanh	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Liên doanh SABMILLER Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	50%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	64,25%
Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh :

- Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
- Xuất nhập khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh :

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, bao gồm các lĩnh vực sau:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà.
- Môi giới, cho thuê bất động sản.
- Kinh doanh kho, bến bãi.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất và mua bán bao bì.
- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- Phòng khám da khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 30/09/2008.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006

Các thông tin tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thông tin tài chính giữa niên độ nên được đọc cùng với báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008, là báo cáo đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Khoản giảm giá hàng bán đã được ghi nhận dưới dạng chi phí bán hàng cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2007 lần lượt là 29.691.328.515.đồng và 77.754.601.238 đồng được phân loại sang khoản giảm trừ doanh thu để thống nhất với khoản giảm giá hàng bán trình bày trong thông tin tài chính cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008. Việc phân loại không làm thay đổi lợi nhuận sau thuế cho quý và kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2007.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt : Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng : Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm
- Các khoản tiền đang chuyển : dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Có và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Nợ.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng cũng được xem như các khoản tương đương tiền.

c. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Các đồng tiền khác (gọi chung là ngoại tệ) khi giao dịch được ghi nhận như sau :
 - + Ngoại tệ mua, bán : hạch toán theo giá mua thực tế
 - + Ngoại tệ thanh toán : được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán (tỷ giá bán của ngày cuối tháng trước của Ngân hàng Ngoại thương TP HCM). Cuối tháng, ghi nhận lãi lỗ trong nghiệp vụ mua bán ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

- Ngoại tệ tồn quỹ được đánh giá lại theo tỷ giá vào ngày cuối kỳ (theo tỷ giá liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước); chênh lệch phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái và được kết chuyển vào doanh thu hoặc thu nhập tài chính vào cuối niên độ kế toán.

4. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Theo phương pháp giá gốc.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho :

+ Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

+ Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá ngoại tệ thực tế ngày giao hàng.

+ Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Quyết định 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị phải khấu hao: được tính bằng với nguyên giá
- TSCĐ được ghi nhận, phân loại, xác định nguyên giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 03 và phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.
- Nguyên giá TSCĐ nhập ngoại sẽ được ghi nhận theo tỷ giá lúc nhận hàng, chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

+ TSCĐ vô hình :

- TSCĐ vô hình tại công ty có nguyên giá là giá trị bỏ ra để nắm giữ quyền sử dụng đất.
- Các TSCĐ vô hình khác được ghi nhận nguyên giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 04.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 67/QĐ-CTS-KTTK ngày 12/01/2004 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành.

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5- 8

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không áp dụng trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Hiện tại Công ty chưa có nghiệp vụ về bất động sản đầu tư.

7. Đầu tư tài chính

Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 07 và VAS 08 .

Các khoản đầu tư tài chính khác như tiền gửi có kỳ hạn được phân loại theo kỳ hạn để xác định là đầu tư dài hạn và ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được thực hiện theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 16 được hướng dẫn tại thông tư 161/2007/TT-BTC:

Trong kỳ, Công ty có phát sinh về nghiệp vụ vay vốn cho đầu tư XDCB và chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị tài sản XDCB dở dang.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc :
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định : phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước : phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty tổ chức ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau :

- + Chi phí khuyến mãi phải trả : được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả : được trích theo tiến độ và thời hạn các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả : trích trước theo hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Hiện tại, Công ty chưa có phát sinh các nghiệp vụ về dự phòng phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau : Quỹ đầu tư phát triển 10%, quỹ khen thưởng phúc lợi 10% và quỹ dự phòng tài chính 5% (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính :
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay : ghi nhận hàng kỳ theo lãi suất vay.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán : theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái : được ghi nhận theo các nội dung sau
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá từ khi lập hợp đồng đến khi nhận hóa đơn.
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá giữa hóa đơn và thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 17 – Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	838.647.365	1.049.822.144
Tiền gửi ngân hàng	140.183.375.734	105.282.913.729
Tiền đang chuyển	9.715.596.400	6.894.192.353
Các khoản tương đương tiền	410.000.000.000	300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	410.000.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>560.737.619.499</u>	<u>113.526.928.226</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	357.761.702.070	451.863.535.832
- Cổ phiếu	345.346.702.070	436.453.535.832
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	12.415.000.000	15.410.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	333.595.000.000	202.796.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	130.000.000.000	5.400.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	203.595.000.000	197.396.500.000
Cộng	<u>691.356.702.070</u>	<u>654.660.035.832</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(79.621.701.478)	(175.615.000)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(79.621.701.478)</u>	<u>(175.615.000)</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	117.755.432	275.784.202
Lãi tiền gửi phải thu	7.437.572.220	5.247.469.179
Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	1.108.578.373	1.624.353.373
Tiền, vật tư, hàng hóa cho mượn	30.631.400.000	28.131.400.000
Thuế NK còn được hoàn	10.791.427.135	8.001.051.227
Cổ phiếu Quỹ Phúc lợi	24.322.126.897	24.322.126.897
Campina	-	18.624.116.500
NH TMCP Bảo Việt	3.200.000.000	-
Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	16.341.239.531	5.533.720.609
Phải thu khác	3.866.222.651	6.754.342.167
Cộng	<u>97.816.322.239</u>	<u>98.514.364.154</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	59.624.823.886	357.959.571.278
Nguyên liệu, vật liệu	998.672.017.165	1.006.595.983.210
Công cụ, dụng cụ	7.648.783.625	1.411.176.949
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.719.867.118	60.366.146.792
Thành phẩm	299.436.211.774	236.718.952.787
Hàng hóa	8.922.840.260	7.967.147.499
Hàng gửi đi bán	174.713.674.848	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	(6.102.658.382)	(11.628.888.954)
Cộng	<u>1.627.635.560.294</u>	<u>1.659.390.089.561</u>

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	372.082.718	23.808.062.971
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Cộng	<u>372.082.718</u>	<u>23.808.062.971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	297.119.493.788	1.308.531.929.397	152.922.430.037	72.810.478.343	1.831.384.331.564
Tăng trong kỳ					
<i>Mua sắm mới</i>	135.214.000	19.862.316.451	13.658.572.944	9.606.048.285	43.262.151.680
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	139.447.077.024	322.678.306.323	19.192.330.816	901.872.183	482.219.586.346
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					
<i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	17.716.334.275	225.000.000	521.312.901	18.462.647.176
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	436.701.784.812	1.633.356.217.896	185.548.333.797	82.797.085.910	2.338.403.422.415
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	126.549.107.326	681.597.271.083	79.606.368.395	43.754.263.017	931.507.009.821
Tăng trong kỳ					
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	11.257.951.748	77.130.562.563	9.129.356.062	11.696.538.906	109.214.409.280
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					
<i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	17.577.900.954	225.000.000	481.814.666	18.284.715.620
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	137.807.059.074	741.149.932.692	88.510.724.457	54.968.987.257	1.022.436.703.481
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	170.570.386.462	626.934.658.314	73.316.061.642	29.056.215.326	899.877.321.744
Số cuối kỳ	298.894.725.738	892.206.285.204	97.037.609.340	27.828.098.653	1.315.966.718.934

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.899.547.200	-	-	18.871.366.142	38.770.913.342
Tăng trong kỳ					
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	4.962.861.000	4.962.861.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	-	16.440.727.475	16.440.727.475
<i>Tăng do hợp nhất kinh doanh</i>	-	-	-	-	-
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	19.899.547.200	-	-	40.274.954.617	60.174.501.817
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.608.069.186	-	-	6.448.367.856	18.056.437.042
Tăng trong kỳ					
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	7.065.581.382	7.065.581.382
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.608.069.186	-	-	13.513.949.238	25.122.018.424
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.291.478.014	-	-	12.422.998.286	20.714.476.300
Số cuối kỳ	8.291.478.014	-	-	26.761.005.379	35.052.483.393

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	598.307.343.777	316.178.555.103
Tăng trong kỳ	248.823.230.068	449.950.359.943
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	482.219.586.346	160.322.440.922
Chuyển sang TSCĐ vô hình	16.440.727.475	10.979.330.907
Chuyển sang HTK	-	-
Thanh lý	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	348.470.260.024	594.827.143.217

Trong đó có các công trình lớn là :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hệ thống ERP II	12.882.871.495	21.896.863.875
MMTB cho trại bò Nghệ An	17.312.651.752	4.088.279.244
Máy phân tích sữa nhanh cho NM Sữa Trường Thọ, Sài Gòn & Hà Nội	5.415.393.750	-
Máy dán nắp nhôm	19.978.971.328	-
Dây chuyền cà phê hòa tan E&E	161.370.606.852	153.453.192.097
Lắp đặt máy móc thiết bị - NM sữa Tiên Sơn	18.944.930.021	-
Trang trại bò sữa Nghệ An	11.659.819.710	-
Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	8.518.121.706	7.664.304.347
XDCB NM sữa Tiên Sơn	1.133.412.230	63.522.575.455
Tòa nhà văn phòng CNCT	36.659.360.000	-
Hệ thống chế biến sữa tươi và Yogurt Tiên Sơn	-	55.402.194.173
Máy rót hộp Slim TBA 22 C/S : 20,000 hộp/giờ	-	22.490.566.568
Máy rót sữa TPA3 Flex (26 1024)	-	31.583.603.240
Dây chuyền chiết rót sữa chua men sống - SGM	-	15.838.800.000
Dây chuyền chế biến sữa đặc	-	20.423.970.280
Giai đoạn II - Nhà kho 10.000m ² - Cần Thơ	-	17.267.552.111
Các công trình khác	54.594.121.180	184.675.442.387

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

10. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	174.648.933.800	183.235.781.300
Đầu tư trái phiếu	3.240.000.000	5.645.000.000
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	50.000.000.000
Cho vay dài hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	34.857.359.500
Cộng	<u>300.688.933.800</u>	<u>273.738.140.800</u>

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(26.958.096.000)	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(11.145.024.511)	(4.210.696.007)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(87.759.427.463)	(39.408.000.000)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>(125.862.547.974)</u>	<u>(43.618.696.007)</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	174.510.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>184.473.436.000</u>	<u>9.963.436.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.247.739.266	207.827.585.104	184.168.506.055	27.906.818.315
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	17.258.619.089	137.225.328.022	150.273.366.289	4.210.580.822
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.605.749.687	88.452.437.449	95.171.339.946	2.886.847.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.808.062.971)	125.297.056.506	101.861.076.253	(372.082.718)
Thuế thu nhập cá nhân	3.875.843.594	30.259.624.958	32.873.511.904	1.261.956.648
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	715.208.750	715.208.750	-
Tiền thuế đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	239.609.157	2.362.918.024	2.532.947.606	69.579.575
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	11.419.497.822	592.140.158.813	567.595.956.803	35.963.699.832

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp :

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy.

Nợ thuế tiềm tàng :

Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế do việc cổ phần hóa thành doanh nghiệp cổ phần theo các quy định hiện hành và do việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) Việt Nam hiện hành, Công ty được hưởng: 1) miễn toàn bộ thuế TNDN cho hai năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và năm 2005 ; 2) miễn 50% thuế suất thuế TNDN cho giai đoạn ba năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 và 3) miễn 50% thuế suất thuế TNDN cho hai năm sau khi niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo Công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006 của Tổng Cục Thuế, Công ty cộng gộp hai mức thuế suất ưu đãi trên và khai miễn hoàn toàn thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và năm 2007.

Trong năm 2008, Công ty phải nộp thuế TNDN với mức giảm 50% trên thuế suất thuế TNDN.

Ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo Công ty không được cộng gộp hai mức thuế suất ưu đãi cho hai năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007 và yêu cầu Công ty nộp khoản tiền thuế chưa nộp. Công ty hiện đang xem xét yêu cầu trên của Cục thuế TP.HCM và đang thảo luận với Tổng Cục thuế và Bộ Tài chính về cách xử lý cho vấn đề này. Nếu Công ty không thành công trong cuộc thảo luận này, Công ty có thể sẽ phải nộp một khoản thuế cho các năm nói trên được ước tính là 225.800 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty sẽ được giảm 50% thuế suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2010. Cho đến nay các cuộc thảo luận trên vẫn chưa có kết quả, và do đó Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

không ghi nhận khoản thuế trên như một khoản nợ thuế trong các thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008.

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thưởng bán hàng cho đại lý	98.144.089.521	86.308.602.287
Chi phí quảng cáo	49.442.194.184	28.292.247.559
Chi phí vận chuyển	8.596.186.857	6.206.064.788
Chi phí xuất khẩu	97.579.594	2.547.456.075
Chi phí bảo trì và sửa chữa	4.816.120.613	3.436.320.452
Chi phí phải trả khác	7.708.649.428	4.682.242.678
Cộng	<u>168.804.820.197</u>	<u>131.472.933.839</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	6.079.206	239.222.378
Kinh phí công đoàn	1.217.474.188	1.309.936.511
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.829.400.000	10.390.100.000
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.820.151.402	63.485.696.426
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.633.317.530	30.083.632.460
Cộng	<u>34.506.422.326</u>	<u>105.508.587.775</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	24.908.590.000	32.381.167.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>24.908.590.000</u>	<u>32.381.167.000</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
Trên 1 năm đến 5 năm	24.908.590.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>34.872.026.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

A	1	2	3	4	5	6	9
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.590.000.000.000	54.217.301.152	580.103.285.725	88.139.766.944	54.683.997.354	367.593.570.461	2.734.737.921.636
- Tăng vốn trong năm trước	162.756.700.000	1.010.730.750.025	-	-	-	-	1.173.487.450.025
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	967.092.865.038	967.092.865.038
- Trích lập các quỹ	-	-	164.438.411.111	48.172.367.895	96.344.735.788	(308.955.514.794)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	1.364.287.200	-	1.364.287.200
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(499.973.773.000)	(499.973.773.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(60.770.603.078)	-	(60.770.603.078)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.264	525.757.147.705	4.315.938.147.821
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.022.972.504.766	1.022.972.504.766
- Trích lập các quỹ	-	-	105.268.949.743	38.963.535.161	105.268.949.743	(249.501.434.647)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	3.771.498.872	-	3.771.498.872
- Cổ tức	-	-	-	-	2.841.760.000	(350.551.340.000)	(347.709.580.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(98.389.500.447)	(762.748.856)	(99.152.249.303)
Số dư cuối quý này	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	849.810.646.579	175.275.670.000	105.115.125.432	947.914.128.967	4.895.820.322.155

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	834.312.189.200	47.60%	834.312.189.200	47.60%
Vốn góp của Nước ngoài	787.338.309.640	44.92%	782.255.315.210	44.63%
Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	131.106.201.160	7.48%	136.189.195.590	7.77%
Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948.051.177		1.064.948.051.177	
Cộng	<u>2.817.704.751.177</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước	175.275.670.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	<u>175.275.670.000</u>
Cộng	<u>350.551.340.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	6.111.103.070.015	4.962.675.883.396
- Doanh thu bán hàng hóa	85.693.594.810	230.345.184.860
- Doanh thu bán thành phẩm	6.018.106.848.059	4.718.211.926.373
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.302.627.146	14.118.772.163
Các khoản giảm trừ doanh thu:	131.963.591.646	89.036.391.808
- Chiết khấu thương mại	107.058.469.133	87.363.346.272
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	24.905.122.513	1.673.045.536
Doanh thu thuần	<u>5.979.139.478.369</u>	<u>4.873.639.491.588</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	5.971.836.851.223	4.859.520.719.425
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.302.627.146	14.118.772.163

- *Doanh thu chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong kỳ:*

Trong kỳ, công ty có 1 khoản doanh thu xuất khẩu chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu là:

253.735.417.217 đ, giá trị gốc của lô hàng này đã được ghi nhận trên tài khoản 157: Hàng gửi đi bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	74.362.580.531	170.156.623.154
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.964.302.795.921	3.410.465.804.362
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.122.996.219	5.983.336.242
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	23.073.073	19.543.337
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	10.295.599.463	368.088.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.526.230.572)	(926.521.805)
Cộng	<u>4.044.580.814.635</u>	<u>3.586.066.873.847</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	35.255.432.132	72.448.317.520
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.532.459.041	2.742.101.134
Lãi trái phiếu	2.000.240.000	1.052.000.000
Lãi tiền cho vay	100.870.420	161.331.275
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.183.900.969	9.972.969.679
Cổ phiếu thưởng	5.205.360.000	1.075.200.000
Lãi đầu tư chứng khoán	119.553.118.562	127.078.085.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.656.561.580	6.151.249.035
Khác	102.439.561	912.714.669
Cộng	<u>216.590.382.265</u>	<u>221.593.968.512</u>

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.331.484.361	6.242.099.943
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	515.420.758	596.662.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.008.005.822	10.656.119.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	161.689.938.446	35.906.610.317
Khác	-	90.808.711
Cộng	<u>219.544.849.387</u>	<u>53.492.300.783</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.022.972.504.766	755.200.559.689
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.022.972.504.766	755.200.559.689
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.275.670	170.680.038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.836	4.425

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	159.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2008	-	-
Ảnh hưởng của 7.950.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 01 năm 2007	-	7.105.494
Ảnh hưởng của 8.325.670 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 04 tháng 05 năm 2007	-	4.574.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.275.670	170.680.038

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

• Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.066.701.705.464	111.700.854.343	5.396.149.412.803	714.953.657.212
2. Các khoản giảm trừ	55.588.368.801	-	131.963.591.646	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.011.113.336.663	111.700.854.343	5.264.185.821.157	714.953.657.212
4. Giá vốn hàng bán	1.351.087.936.468	82.553.181.879	3.516.845.510.732	527.735.303.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	660.025.400.195	29.147.672.464	1.747.340.310.425	187.218.353.309

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2008



Nguyễn Đức Diệu Thơ
Người lập biểu

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc